

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 18
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 54/2026/DS-ST
Ngày: 19/3/2026
“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 18 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Thùy Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trần Xuân Tạo;
- Ông Nguyễn Đức Chung.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Ngọc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 80/2026/TLST-DS ngày 15 tháng 01 năm 2026 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2026/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 02 năm 2026 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Hoàng Thị H, sinh năm 1968; địa chỉ: Số C, đường H, tổ A, ấp S, xã D, Thành phố Hồ Chí Minh

- **Bị đơn:** Ông Đào Trọng D, sinh năm 1971; địa chỉ: Ấp Đ, xã D, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các đương sự có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 16/9/2025, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà H trình bày:

Do có quan hệ quen biết, bà H có cho ông D vay tiền nhiều lần, hai bên không thỏa thuận lãi suất. Cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 23/3/2024 cho mượn 10.000.000 đồng, hạn 02 tháng trả.

Lần 2: Ngày 26/7/2024 cho mượn 10.000.000 đồng, hạn 03 tháng trả.

Lần 3: Ngày 21/10/2024 cho mượn 10.000.000 đồng, hạn 02 tháng trả

Lần 4: Ngày 22/10/2024 cho mượn 30.000.000 đồng, hạn 10 ngày trả.

Tổng cộng bà H cho ông D vay số tiền là 60.000.000 đồng. Tất cả các lần mượn tiền, ông D đều có làm giấy nợ do chính ông D viết và ký tên, lăn tay. Sau đó ông D có trả cho bà H được 47.000.000 đồng và còn nợ lại bà H số tiền là 13.000.000 đồng.

Nay, Bà H yêu cầu ông D thanh toán cho bà H số tiền gốc là 13.000.000 đồng và bà H không yêu cầu tính lãi suất.

Ngoài ra bà H không có ý kiến gì khác.

** Theo biên bản lấy lời khai ngày 29/01/2026, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa bị đơn ông D trình bày:*

Ông D có vay tiền của bà H nhiều lần và ông D đã thanh toán xong cho bà H. Cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 23/3/2024 cho mượn 10.000.000 đồng, hạn 02 tháng trả. Đúng hạn 02 tháng là ông D đã trả xong cho bà H.

Lần 2: Ngày 26/7/2024 cho mượn 10.000.000 đồng, hạn 03 tháng trả.

Lần 3: Ngày 21/10/2024 cho mượn 10.000.000 đồng, hạn 02 tháng trả

Lần 4: Ngày 22/10/2024 cho mượn 30.000.000 đồng, hạn 10 ngày trả.

Ba lần vay mượn sau ông D đã thanh toán hết cho bà H. Cụ thể một lần trả 15.000.000 đồng, lần 2 trả 32.000.000 đồng, lần 3 trả 2.000.000 đồng. Cụ thể thời gian nào thì ông D không nhớ. Mỗi lần trả tiền thì ông D không có làm giấy tờ và cũng không có lấy lại giấy mượn tiền. Hiện nay ông D chỉ còn nợ bà H số tiền là 1.000.000 đồng.

Khi vay hai bên có thỏa thuận lãi suất, nhưng chỉ thỏa thuận miệng, không ghi vào giấy tờ. 04 giấy mượn tiền ngày 23/3/2024, ngày 26/7/2024, ngày 21/10/2024 và ngày 22/10/2024 đều do ông D viết và ký tên, lăn tay.

Nay bà H yêu cầu ông D thanh toán số tiền gốc là 13.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi suất thì ông D không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà H. Ông D chỉ đồng ý thanh toán cho bà H số tiền gốc là 1.000.000 đồng.

** Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:*

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý và giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận tại phiên tòa cho thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Từ những tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ, sau khi nghe lời trình bày của các đương sự Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về tố tụng: Bà Hoàng Thị H khởi kiện ông Đào Trọng D yêu cầu thanh toán số tiền vay 13.000.000 đồng. Do đó, quan hệ tranh chấp của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Đào Trọng D có nơi cư trú tại ấp Đ, xã D, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Bà H trình bày: Bà H cho ông D vay tiền 04 lần với tổng số tiền 60.000.000 đồng. Cụ thể: Ngày 23/3/2024 cho mượn 10.000.000 đồng, hạn 02 tháng trả; ngày 26/7/2024 cho mượn 10.000.000 đồng, hạn 03 tháng trả; ngày 21/10/2024 cho mượn 10.000.000 đồng, hạn 02 tháng trả; ngày 22/10/2024 cho mượn 30.000.000 đồng, hạn 10 ngày trả. Sau đó ông D có trả cho bà H được 47.000.000 đồng. Nay bà H yêu cầu ông D thanh toán số tiền còn nợ là 13.000.000 đồng.

Ông D thống nhất có vay của bà H 04 lần như bà H trình bày, tuy nhiên ông D cho rằng ông đã thanh toán cho bà H được số tiền là 59.000.000 đồng và còn nợ bà H số tiền là 1.000.000 đồng. Ông D chỉ đồng ý thanh toán cho bà H 1.000.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy, chứng cứ bà H cung cấp là 04 giấy mượn tiền ngày 23/3/2024, ngày 26/7/2024, ngày 21/10/2024 và ngày 22/10/2024 là bản chính. Ông D thừa nhận có vay, tự viết giấy nợ và ký tên, ghi họ tên trong 04 giấy vay tiền này nên xem là sự thật không cần phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông D cho rằng ông chỉ còn nợ bà H số tiền là 1.000.000 đồng, ông cũng thừa nhận khi trả tiền không có giấy tờ biên nhận, cũng không thu hồi lại các giấy mượn tiền gốc mà bà H đang giữ. Tòa án có thông báo cho ông D cung cấp chứng cứ chứng minh việc ông đã thanh toán cho bà H số tiền 59.000.000 đồng, nhưng ông D không cung cấp. Do đó, bà H yêu cầu ông D thanh toán số tiền 13.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Về lãi suất: Bà H không yêu cầu tính lãi nên không xem xét.

[3] Về án phí: Bị đơn ông D phải chịu án phí đối với số tiền phải thanh toán cho bà H.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 26, 35, 39, 92, 147, 266, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 357, 463, 466, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.
- Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” của bà Hoàng Thị H đối với ông Đào Trọng D.

Buộc ông Đào Trọng D thanh toán cho bà Hoàng Thị H số tiền 13.000.000 đồng (mười ba triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Đào Trọng D chịu 650.000 đồng (sáu trăm năm mươi nghìn đồng).
- H1 lại cho bà Hoàng Thị H 325.000 đồng (ba trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà bà H đã nộp theo Biên lai thu số 0002460 ngày 09/01/2026 tại Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

4. Quyền yêu cầu thi hành án:

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 18
- Thành phố Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Thùy Linh

